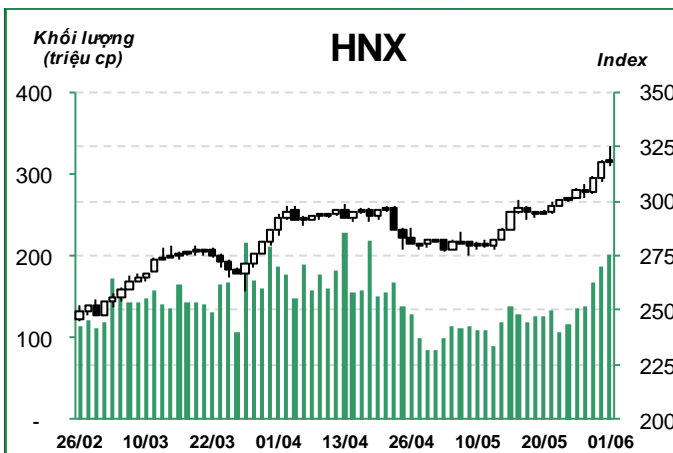
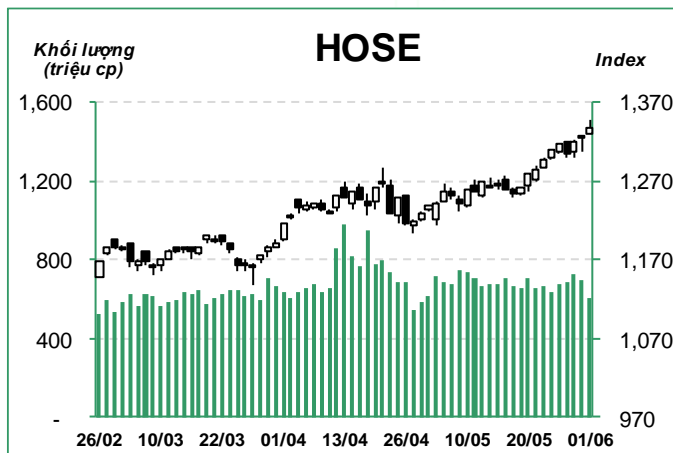


Tổng quan thị trường

01/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	1,337.78	0.73%	1,482.92	0.55%	318.47	0.19%
Cuối tuần trước	1,320.46	1.31%	1,458.78	1.65%	310.46	2.58%
Trung bình 20 ngày	1,286.01	4.03%	1,406.88	5.41%	297.76	6.96%
Tổng KLGĐ (triệu cp)	629.42	-14.62%	256.54	-15.26%	221.45	17.44%
KLGĐ khớp lệnh	600.48	-14.26%	255.91	-12.67%	201.12	7.98%
Trung bình 20 ngày	678.70	-11.53%	263.65	-2.93%	132.51	51.78%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	21,762.12	-14.52%	13,074.12	-13.93%	4,915.69	11.32%
GTGD khớp lệnh	20,995.50	-11.98%	13,039.60	-10.40%	4,510.59	3.44%
Trung bình 20 ngày	21,000.20	-0.02%	12,606.48	3.44%	2,918.17	54.57%
		Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng
Số mã tăng	169	38%	14	47%	130	35%
Số mã giảm	244	54%	16	53%	75	20%
Số mã đứng giá	37	8%	0	0%	163	44%



Thị trường có diễn biến tăng điểm ấn tượng ngay trong phiên sáng khi dòng tiền vẫn tập trung đổ vào các cổ phiếu vốn hóa lớn để kéo điểm cho chỉ số, đẩy giá trị giao dịch tăng mạnh hơn 21 nghìn tỷ đồng ngay trong phiên sáng. Tuy nhiên, sàn HoSE ngừng giao dịch vào phiên chiều để đảm bảo an toàn hệ thống. Trong khi đó, với việc các nhà đầu tư tìm cơ hội giải ngân mới trên sàn HNX cũng khiến chỉ số HNX-Index phục hồi trở lại vào cuối phiên để tiếp tục duy trì mạch tăng điểm.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa tăng lên mức 1,337.78 điểm (+0.73%). KLGĐ khớp lệnh đạt 600.5 triệu cổ phiếu (-14.3%), tương đương 20,996 tỷ đồng giá trị (-12.0%). Độ rộng thị trường lại đang nghiêng về bên bán với 244 mã giảm/169 mã tăng.

Phiên giao dịch hôm nay chứng kiến sự trỗi dậy của một số Bluechips có diễn biến trầm lắng trong những phiên giao dịch trước đó. Đặc biệt là bộ 3 cổ phiếu trong nhóm Vingroup là Vingroup-VIC (+2.1%), Vinhomes-VHM (+1.4%), Vincom Retail-VRE (+4.4%) và Vietcombank-VCB (+5.2%). Bên cạnh đó, Hòa Phát-HPG (+5.3%), Ngân hàng Thương mại Quốc tế-VIB (+4.1%), FPT-FPT (+3.4%) cũng góp phần kéo chỉ số bật tăng. Trong khi đó, xét theo nhóm ngành thì trong phiên hôm nay chỉ còn BĐS và dầu khí là những nhóm ngành còn duy trì được sắc xanh đồng thuận. Ở chiều ngược lại, Masan-MSN (-2.8%) cùng một số cổ phiếu ngân hàng lớn như BIDV-BID (-1.4%), Sacombank-STB (-4.1%), Techcombank-TCB (-1.1%) giảm điểm gây sức ép cho chỉ số.

Khối ngoại có phiên bán ròng thứ 2 liên tiếp trên sàn HoSE, đạt giá trị 591.7 tỷ đồng (-65.0%). Lực bán tập trung ở một số cổ phiếu như Hòa Phát-HPG (-549.5 tỷ), Sacombank-STB (-77.7 tỷ), Vietcombank-VCB (-68.9 tỷ). Trái lại, Ngân hàng Tiên Phong-TPB (+77.1 tỷ), Vinhomes-VHM (+72.6 tỷ), Vincom Retail-VRE (+45.4 tỷ) được mua nhiều bởi khối ngoại.

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
EIB	4,293.0	135.50
GEX	4,893.9	128.33
HNG	10,870.5	114.14
IMP	713.0	48.27
CTF	1,530.0	29.96
DBD	655.0	28.82
VCG	610.0	28.67
AGG	527.0	24.98
HPX	661.0	23.37
TLG	650.0	22.75
HNX		
SHB	10,176.0	278.82
ASG	1,145.0	42.94
HUT	6,000.0	40.50
BAB	650.0	18.59
IDC	142.0	5.40
VC3	205.0	4.17
KVC	1,138.7	3.30
IDV	39.0	2.45
OCH	210.0	2.02
VMC	140.0	1.41

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa nhích nhẹ lên mức 318.47 điểm (+0.19%). Việc HoSE không giao dịch trong phiên chiều đã tạo cơ hội để dòng tiền dịch chuyển sang các cổ phiếu ở sàn HNX và thiết lập mức kỹ lục mới về thanh khoản. KLGD khớp lệnh đạt 201.1 triệu cổ phiếu (+8.0%), tương đương 4,510.6 tỷ đồng giá trị (+3.4%).

Đà tăng của chỉ số HNX-Index thiếu đi sự đồng thuận trong hôm nay khi tín hiệu chốt lời mạnh bắt đầu hiện diện ở một số cổ phiếu trụ. Đặc biệt là bộ đôi nhóm ngân hàng là Ngân hàng Bắc Á-BAB (-4.1%), Ngân hàng Quốc Dân-NVB (-8.6%) bắt ngờ đảo chiều giảm sâu. Trong khi đó, các cổ phiếu dẫn đầu ở chiều tăng điểm như Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (+2.0%), Dầu khí PTSC-PVS (+2.3%) hay một số cổ phiếu thuộc nhóm chứng khoán như Chứng khoán MB-MBS (+3.3%), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+3.5%) cũng không còn giữ được sự hưng phấn tăng tốt như phiên sáng. Tuy nhiên, vẫn có một số cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ hơn đáng chú ý khi trắng bên bán với khối lượng khớp lệnh tăng mạnh so với trung bình như Tasco-HUT (+9.2%), Dệt may TNG-TNG (+9.9%), Chứng khoán Artex-ART (+9.4%).

Khối ngoại gia tăng áp lực bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 34.9 tỷ đồng (+24.2%). Với lực bán tập trung ở một số cổ phiếu như Dầu khí PTSC-PVS (-21.6 tỷ), Tập đoàn PAN-PAN (-4.6 tỷ) và Chứng khoán VNDIRECT-VND (-4.6 tỷ). Trong khi đó, khối ngoại mua ròng chủ yếu là Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+5.0 tỷ), Chứng khoán MB-MBS (+2.9 tỷ) và Nhựa Tiên Phong-NTP (+1.3 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm thứ ba liên tiếp. Mặc dù, khối lượng giao dịch suy giảm xuống dưới mức bình quân 10 và 20 phiên nhưng với hệ thống chỉ giao dịch phiên buổi sáng dẫn tới tín hiệu này có thể đã bị nhiễu. Trong khi đó, chỉ số vẫn giữ mức đóng cửa trên MA5, cùng với chùm MA 5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Thêm vào đó, các chỉ báo MACD và RSI đang hướng lên, cho thấy đà tăng đang mạnh dần lên, chỉ số có thể sớm tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 1,360 điểm (Fib 127.2, đây là Fib thoát lui hình thành từ đỉnh 2018 và đáy 2020). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn. Chỉ số có thể hướng lên vùng kháng cự quanh 330 điểm (Fib 38.2, đây là mức Fib đo được từ việc chia sóng 5 của chỉ số, tính từ tháng 7/2020 là đầu sóng 1). Nhìn chung, xu hướng tăng của thị trường vẫn đang tiếp diễn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư tận dụng các nhịp rung lắc để gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng vào các cổ phiếu có cơ bản tốt và được dòng tiền mạnh hướng tới.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
DTL	37.8	21.8	6.9%
APG	10.4	2,243.7	6.9%
TNC	31.8	2.2	6.9%
HBC	14.9	5,522.6	6.8%
CTS	20.4	1,329.5	6.8%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PTC	9.1	5.1	-7.0%
APH	68.3	805.1	-6.8%
SVC	74.0	0.1	-6.8%
SMA	7.9	3.6	-6.7%
CMV	14.1	0.4	-6.6%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	69.3	3,188.4	0.1%
HPG	55.5	1,866.2	5.3%
STB	32.4	1,551.8	-4.1%
TCB	53.1	681.5	-1.1%
LPB	29.6	658.3	-1.2%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
STB	32.4	47,113.5	-4.1%
VPB	69.3	46,555.1	0.1%
HPG	55.5	33,513.4	5.3%
LPB	29.6	21,800.7	-1.2%
MBB	38.2	16,331.4	0.5%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LDP	13.2	71.0	10.0%
PPE	13.2	5.4	10.0%
AMC	18.8	1.2	9.9%
ECI	26.6	0.1	9.9%
VDL	23.3	0.1	9.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VTL	14.6	0.1	-9.9%
PMP	12.0	0.1	-9.8%
HBE	7.1	0.1	-9.0%
SGD	9.2	1.0	-8.9%
TST	9.2	5.0	-8.9%

Top 5 giá trị

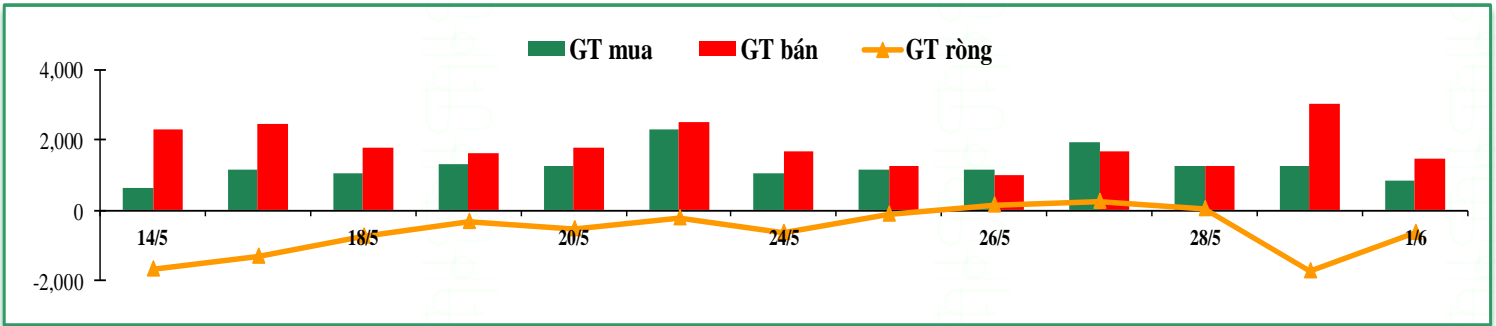
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHB	31.0	1,230.1	2.0%
PVS	26.4	555.0	2.3%
SHS	37.5	551.2	-1.3%
THD	199.6	328.5	0.2%
VND	50.7	322.1	2.0%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SHB	31.0	40,751.1	2.0%
HUT	7.1	23,084.7	9.2%
PVS	26.4	20,861.1	2.3%
ART	11.6	15,372.8	9.4%
SHS	37.5	14,640.5	-1.3%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	808.2	3.7%	1,399.9	6.4%	-591.7
HNX	26.2	0.5%	61.1	1.2%	-34.9
Tổng số	834.4		1,461.0		-626.6



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	104.0	87.8	1.4%
TPB	37.8	77.1	0.9%
NVL	135.8	75.2	0.9%
VRE	30.7	63.2	4.4%
SSI	43.7	35.2	-1.6%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	55.5	581.7	5.3%
VCB	103.7	90.9	5.2%
STB	32.4	87.3	-4.1%
VIC	120.0	74.5	2.1%
NVL	135.8	67.0	0.9%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
TPB	37.8	77.1	0.9%
VHM	104.0	72.6	1.4%
VRE	30.7	45.4	4.4%
SSI	43.7	26.4	-1.6%
KDH	39.6	24.9	0.3%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	37.5	5.0	-1.3%
VND	50.7	3.0	2.0%
MBS	28.0	2.9	3.3%
BVS	29.6	2.6	3.5%
NTP	44.0	2.5	-2.7%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	26.4	23.4	2.3%
VND	50.7	7.6	2.0%
VCS	95.0	6.0	-1.0%
BVS	29.6	5.9	3.5%
APS	14.2	5.1	6.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	37.5	5.0	-1.3%
MBS	28.0	2.9	3.3%
NTP	44.0	1.3	-2.7%
IDV	69.0	0.5	-1.1%
BAX	67.5	0.4	-0.1%

Tin trong nước

PMI tháng 5: Chi phí sản xuất tăng nhiều nhất kể từ 3/2018

IHS Markit vừa công bố báo cáo cho thấy Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 5 của Việt Nam thấp hơn 1,6 điểm so với tháng trước, kết thúc chuỗi tăng 3 tháng liên tiếp, về mức 53,1 điểm, do ảnh hưởng của làn sóng dịch Covid-19 thứ 4.

Theo đó, sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới và việc làm đều tăng chậm lại so với tháng 4.

PMI tháng 5 còn ghi nhận tình trạng chi phí đầu vào tiếp tục tăng mạnh khiến giá cả hàng hóa được bán ra ở mức cao nhất trong hơn một thập kỷ.

Cổ phiếu ngân hàng bứt phá, VNFin Lead ETF có hiệu suất đầu tư cao nhất thị trường

Quỹ của SSIAM tăng trưởng gần 64%

Theo số liệu tại cuối tháng 5, quỹ hoán đổi danh mục VNFin Lead ETF ghi nhận hiệu suất đầu tư 63,7% kể từ đầu năm, trở thành quỹ đầu tư hiệu quả nhất đang hoạt động tại thị trường Việt Nam. Riêng trong tháng 5, quỹ được quản lý bởi SSIAM đạt mức tăng gần 26%.

Hiệu quả đầu tư của VNFin Lead ETF là vượt trội so với VN-Index chỉ tăng 20% hay lãi suất ngân hàng khoảng 5%/năm.

Hưởng lợi từ nhất từ cổ phiếu ngân hàng

VNFin Lead ETF là quỹ đầu tư ngành tài chính với danh mục chủ yếu là cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm. Hiện quỹ phân bổ chủ yếu vào các cổ phiếu ngân hàng với tổng tỷ trọng lên đến 93%.

VNFin Lead ETF hưởng lợi nhất khi cổ phiếu ngân hàng tăng hàng chục đến hàng trăm phần trăm.

Hiện VNFin Lead là quỹ ETF nội địa có quy mô lớn thứ 3 thị trường với 2.815 tỷ đồng, tổng khối lượng chứng chỉ quỹ là 126,8 triệu đơn vị. Hai quỹ ETF nội có quy mô lớn hơn là VNDiamond với gần 13.000 tỷ đồng và VFMVN30 với 9.293 tỷ đồng.

Nguồn: NDH

Tin doanh nghiệp niêm yết

Hoa Sen lãi tiếp 538 tỷ đồng tháng 4, vượt 47% kế hoạch sau 7 tháng

Tập đoàn Hoa Sen (HoSE: HSG) thông báo sản lượng tiêu thụ tháng 4 đạt 216.390 tấn, tăng nhẹ so với tháng trước. Lũy kế 7 tháng niên độ 2020-2021, sản lượng tiêu thụ đạt 1,29 triệu tấn, thực hiện 72% kế hoạch năm.

Theo đó, doanh thu tháng 4 đạt 4.550 tỷ đồng, giảm nhẹ so với tháng trước. Song, lợi nhuận sau thuế 538 tỷ đồng, tăng 7% và là tháng thứ 2 liên tiếp ghi nhận trên 500 tỷ đồng.

Lũy kế 7 tháng niên độ 2020-2021, doanh nghiệp thép ghi nhận 24.496 tỷ đồng doanh thu, thực hiện 74% kế hoạch năm; lãi sau thuế 2.208 tỷ đồng, vượt 47% kế hoạch năm.

Sản phẩm chính của Hoa Sen là tôn mạ và ống thép. Thị phần tôn mạ của Hoa Sen đạt 36,84% và ống thép đạt 20,2%.

ACB chốt quyền chia cổ tức tỷ lệ 25%

ACB thông báo 11/6 là ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Trước đó, ngân hàng đã được chấp thuận cho ACB tăng vốn bằng hình thức phát hành 540 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ 25%. Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ của ACB sẽ tăng lên hơn 27.000 tỷ đồng.

Quý I, ngân hàng lãi trước thuế 3.104 tỷ đồng, cao hơn 61% so với cùng kỳ 2020. Tại ngày 31/3, tổng tài sản ở mức 449.515 tỷ đồng, tăng 1,1% so với đầu năm. Dư nợ cho vay khách hàng tăng 4% lên 324.311 tỷ đồng. Trong khi đó, tiền gửi khách hàng giảm 0,3% xuống 352.217 tỷ đồng. Nợ xấu của ngân hàng ở mức 2.954 tỷ đồng, tăng gần 61% so với cuối năm 2020.

Đông Hải Bến Tre muốn chia cổ tức 50%

Đông Hải Bến Tre (HoSE: DHC) vừa công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2021. Công ty đặt mục tiêu tổng doanh thu thuần 3.500 tỷ đồng, tăng 21% so với năm ngoái. Mục tiêu lợi nhuận sau thuế là 399 tỷ đồng, tăng nhẹ 2% so với năm 2020.

Về chính sách cổ tức, HĐQT trình việc chia cổ tức cho năm 2021 dự kiến ở mức 35%/vốn điều lệ, bằng tiền hoặc/và cổ phiếu.

Về công tác đầu tư, công ty cũng dự kiến chủ trương đầu tư vào CTCP Bao bì Đông Hải với tổng vốn rót thêm là 250 tỷ đồng.

Năm ngoái, Đông Hải Bến Tre ghi nhận những kết quả kinh doanh rất tích cực. Doanh thu thuần cao gấp đôi cùng kỳ đạt 2.888 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 115% đạt mức kỷ lục 392 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phần ở mức 6.858 đồng.

Dựa trên kết quả này, HĐQT trình phương án chia cổ tức năm 2020 tổng tỷ lệ 50%. Trong đó công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt 25% vào đầu năm. Phần còn lại sẽ được chia bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%.

Tổng khối lượng dự kiến phát hành là gần 14 triệu cổ phiếu. Sau khi hoàn tất phân phối cho cổ đông, vốn điều lệ công ty sẽ tăng từ 560 tỷ hiện tại lên gần 700 tỷ đồng.

Nguồn: NDH

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	AGR	Chốt lời	02/06/21	13.5	11.55	16.9%	13	12.6%	11	-4.8%	Đạt kỳ vọng

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	DTD	Quan sát mua	02/06/21	31.9	36.5-39	Tín hiệu retest đáy quanh 30 thành công với nền bật tăng tốt kèm vol cao trở lại -> khả năng có nhịp tăng ngắn hạn, có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 31.3-31.5
2	TIG	Quan sát mua	02/06/21	15.1	17.5 19.5	Nền bật tăng tốt từ vùng hỗ trợ quanh 14.5 kèm vol cao trở lại + RSI bật tăng lại từ hỗ trợ -> khả năng bắt đầu nhịp tăng mới
3	DRI	Quan sát mua	02/06/21	11	13 14	Nhịp điều chỉnh retest hỗ trợ tích cực với vol thấp sau nền break vùng sideway -> khả năng sớm tăng trở lại

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Nắm giữ	20/04/21	87.1	70	24.4%	93.5	33.6%	67.65	-3%	
2	VSC	Mua	28/04/21	51.1	49.9	2.4%	55	10.2%	47	-6%	
3	STB	Nắm giữ	05/05/21	32.4	24.1	34.4%	34.3	42%	22.9	-5%	
4	SSI	Nắm giữ	13/05/21	43.7	34.8	25.6%	52.2	50%	33.5	-4%	
5	PVS	Nắm giữ	19/05/21	26.4	21.8	21.1%	31.3	44%	20.5	-6%	
6	VHM	Mua	20/05/21	104	100.4	3.6%	110	10%	96.5	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

7	HDG	Mua	24/05/21	46	41.95	9.7%	47.6	13%	40.3	-4%
8	BVS	Nắm giữ	25/05/21	29.6	22.8	29.8%	30	32%	21.3	-7%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 01/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	10,300	7.9%	299%	93,760	21	87,100	8,642	(1,658)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	5,800	6.0%	287%	15,440	34	87,100	2,452	(3,348)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	4,100	-3.5%	310%	5,200	113	34,300	951	(3,149)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	51,400	10.3%	802%	350	29	55,500	42,206	(9,194)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	10,310	13.4%	882%	14,130	113	55,500	3,113	(7,197)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	35,000	13.3%	430%	21,290	34	55,500	20,831	(14,169)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	17,000	8.6%	336%	27,670	35	55,500	9,058	(7,942)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	10,700	4.7%	613%	14,990	34	55,500	4,904	(5,796)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	17,680	4.1%	489%	37,720	69	55,500	9,113	(8,567)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	15,000	3.5%	266%	29,140	87	55,500	3,832	(11,168)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	7,400	6.0%	469%	34,700	72	55,500	95	(7,305)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	7,290	4.1%	508%	22,430	72	55,500	91	(7,199)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	4,090	0.0%	156%	11,980	76	39,550	3,085	(1,005)	KIS	KDH	27,333	4.0	16/08/2021
CKDH2101	1,000	3,130	-5.2%	213%	4,020	113	39,550	1,296	(1,834)	KIS	KDH	33,333	5.0	22/09/2021
CKDH2102	2,800	6,350	8.6%	127%	7,310	73	39,550	4,292	(2,058)	MBS	KDH	31,100	2.0	13/08/2021
CMBB2010	4,600	22,300	-0.9%	385%	2,760	13	38,200	22,212	(88)	SSI	MBB	16,000	1.0	14/06/2021
CMBB2101	1,600	7,010	-3.3%	338%	23,890	35	38,200	6,127	(883)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,550	-4.1%	196%	14,100	72	38,200	393	(3,157)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	3,330	-10.2%	217%	8,670	113	107,000	473	(2,857)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	3,150	-5.1%	215%	11,450	113	107,000	170	(2,980)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021
CMSN2103	3,000	6,150	2.5%	105%	6,930	73	107,000	3,231	(2,919)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	24,110	-7.2%	101%	700	29	136,500	20,332	(3,778)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2016	1,700	2,820	-11.0%	66%	35,250	9	136,500	2,856	36	HCM	MWG	108,000	10.0	10/06/2021
CMWG2101	2,400	2,890	-15.0%	20%	13,210	35	136,500	1,974	(916)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,100	-12.9%	103%	11,300	62	136,500	3,390	(2,710)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2103	1,900	2,200	-16.0%	16%	19,140	34	136,500	828	(1,372)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	9,500	0.5%	296%	3,190	(71)	136,500	(274)	(9,774)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,000	-2.4%	36%	18,490	87	136,500	919	(3,081)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2003	1,000	7,260	1.1%	626%	81,550	10	135,800	7,258	(2)	KIS	NVL	63,979	9.9	11/06/2021
CNVL2101	1,000	4,600	7.0%	360%	4,020	113	135,800	3,691	(909)	KIS	NVL	77,999	15.8	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,390	-0.9%	208%	17,060	118	135,800	616	(2,774)	KIS	NVL	128,399	16.0	27/09/2021
CPDR2101	1,100	3,650	-2.7%	232%	25,200	87	75,800	24	(3,626)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,090	-2.6%	272%	12,440	118	75,800	94	(3,996)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,790	-3.8%	64%	15,850	35	100,500	2,289	(501)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	5,050	-9.0%	153%	8,660	62	100,500	4,158	(892)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	4,690	-0.2%	62%	9,590	17	100,500	4,356	(334)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,920	-14.4%	27%	21,540	35	57,000	2,275	(645)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,400	2.1%	118%	1,270	113	19,600	9	(2,391)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2010	1,100	10,210	-4.6%	828%	32,830	10	32,400	10,204	(6)	KIS	STB	11,999	2.0	11/06/2021
CSTB2014	3,800	20,800	-3.3%	447%	5,590	13	32,400	20,409	(391)	SSI	STB	12,000	1.0	14/06/2021
CSTB2101	1,000	7,680	-8.6%	668%	11,150	113	32,400	5,274	(2,406)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2102	2,000	14,500	2.0%	625%	8,980	3	32,400	14,403	(97)	MBS	STB	18,000	1.0	04/06/2021
CSTB2103	1,400	8,500	-6.0%	507%	20,190	69	32,400	7,236	(1,264)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	12,600	-6.7%	215%	7,310	87	32,400	9,617	(2,983)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	31,960	0.7%	492%	9,260	59	53,100	31,176	(784)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,150	-1.0%	383%	3,850	126	53,100	22,329	(1,821)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,900	-1.8%	287%	18,380	35	53,100	8,587	(313)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,970	-3.2%	244%	17,760	69	53,100	8,872	(1,098)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,810	0.0%	291%	4,640	87	53,100	3,795	(4,015)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,150	-10.4%	34%	14,400	76	21,850	43	(2,107)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,690	-8.5%	169%	610	113	21,850	85	(2,605)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,730	5.0%	-1%	4,520	73	21,850	28	(2,702)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,800	-10.0%	50%	18,270	72	21,850	0	(1,800)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2008	1,400	1,610	5.2%	15%	33,430	10	104,000	1,516	(94)	KIS	VHM	88,888	10.0	11/06/2021
CVHM2101	1,100	3,550	1.1%	223%	7,770	113	104,000	197	(3,353)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,650	3.5%	39%	31,190	35	104,000	1,718	(932)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2103	1,650	1,150	15.0%	-30%	30,120	3	104,000	1,102	(48)	MBS	VHM	93,000	10.0	04/06/2021
CVHM2104	1,600	3,290	3.8%	106%	26,690	69	104,000	686	(2,604)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	4,000	12.7%	167%	7,950	73	104,000	299	(3,701)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,680	3.4%	183%	18,140	72	104,000	5	(3,675)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2005	1,500	1,610	7.3%	7%	29,780	10	120,000	1,319	(291)	KIS	VIC	106,868	10.0	11/06/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVIC2101	1,000	3,290	6.5%	229%	4,530	113	120,000	114	(3,176)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2102	1,800	1,900	18.8%	6%	26,150	3	120,000	2,002	102	MBS	VIC	100,000	10.0	04/06/2021
CVIC2103	1,100	2,250	3.7%	105%	14,060	118	120,000	0	(2,250)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVJC2006	1,000	120	-20.0%	-88%	28,510	10	106,200	0	(120)	KIS	VJC	111,111	20.0	11/06/2021
CVNM2011	1,100	110	-31.3%	-90%	34,770	10	89,900	0	(110)	KIS	VNM	133,333	16.3	11/06/2021
CVNM2101	1,100	2,190	4.3%	99%	1,660	113	89,900	0	(2,190)	KIS	VNM	126,888	19.8	22/09/2021
CVNM2102	1,700	840	-23.6%	-51%	32,060	35	89,900	0	(840)	VND	VNM	108,994	9.9	06/07/2021
CVNM2103	1,700	260	-40.9%	-85%	7,060	17	89,900	(0)	(260)	MBS	VNM	104,000	10.0	18/06/2021
CVNM2104	1,480	2,560	0.4%	73%	9,220	104	89,900	14	(2,546)	MBS	VNM	103,000	10.0	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,850	-3.7%	68%	22,820	118	89,900	0	(1,850)	KIS	VNM	119,399	20.0	27/09/2021
CVPB2015	5,600	44,160	2.4%	689%	1,610	59	69,300	43,390	(770)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	16,000	1.9%	452%	3,440	35	69,300	16,188	188	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2102	2,800	16,200	3.2%	479%	810	3	69,300	16,903	703	MBS	VPB	35,500	2.0	04/06/2021
CVPB2103	2,700	16,800	1.8%	522%	27,190	69	69,300	16,474	(326)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	9,000	1.1%	260%	5,600	87	69,300	6,850	(2,150)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2011	1,500	250	92.3%	-83%	53,790	10	30,700	0	(250)	KIS	VRE	31,888	4.0	11/06/2021
CVRE2013	5,000	5,970	-3.7%	19%	50,630	59	30,700	3,311	(2,659)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,500	13.6%	108%	5,790	113	30,700	73	(2,427)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,540	-8.3%	-14%	14,940	35	30,700	225	(1,315)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,430	10.5%	87%	22,690	69	30,700	96	(2,334)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,300	10.0%	10%	11,300	73	30,700	34	(3,266)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**
ANV (New)	HOSE	23,300	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC (New)	HOSE	39,700	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC (New)	HOSE	32,400	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC (New)	UPCOM	34,900	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP (New)	HOSE	72,700	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG (New)	HOSE	95,000	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT	HOSE	24,600	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW	HOSE	125,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ	HOSE	100,500	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG	HOSE	136,500	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB	HOSE	154,000	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN	HOSE	107,000	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM	HOSE	89,900	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM	HOSE	82,300	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK	HOSE	32,050	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL	HOSE	135,800	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG	UPCOM	42,000	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
NLG	HOSE	40,950	39,000	12/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	8%	9.1	1.5	5%
KDH	HOSE	39,550	39,000	12/05/2021	1,174	2,157	17,973	14%	8%	18.6	2.2	0%
VCB	HOSE	103,700	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB	HOSE	42,100	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB	HOSE	53,100	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG	HOSE	15,700	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP	HOSE	57,800	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD	HOSE	61,300	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
HPG	HOSE	55,500	52,900	27/04/2021	16,753	5,038	22,193	23%	12%	10.5	2.4	5%
FPT	HOSE	87,100	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS	HNX	20,300	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

SMC		HOSE	38,600	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	67,500	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
REE		HOSE	57,000	62,100	02/04/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
PLX		HOSE	54,700	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	19,600	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
GVR		HOSE	28,350	40,200	17/03/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
QNS		UPCOM	39,500	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
VRE		HOSE	30,700	43,400	12/03/2021	3,135	1,423	12,382	10%	7%	29.2	3.3	-
GAS		HOSE	83,700	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	52,400	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
GMD		HOSE	37,500	54,800	24/02/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	10%
TNG		HOSE	21,100	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	53,000	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	17,600	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	16,650	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
VHM		HOSE	104,000	102,000	19/01/2021	35,222	10,530	42,470	37%	12%	9.8	2.4	-
LHG		HOSE	41,600	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
PHR		HOSE	53,700	67,650	19/01/2021	1,105	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
CTR		UPCOM	86,900	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,100	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.